

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số E-TBMT:

Tên gói thầu: Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy

Dự toán: Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy tại cơ sở nhà đất do VP VTTP quản lý

Phát hành ngày:/...../2025

Ban hành kèm theo Quyết định:



N/1 *Thư*
W/oml

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT.....	3
PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU.....	5
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU.....	5
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU.....	28
Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT.....	32
Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU.....	50
Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	106
Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG.....	111

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm). Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào Bảng số 1, là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSĐT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn

qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng, là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu.

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỈ DẪN CHUYỂN TIẾP THỰC HIỆN ÁP DỤNG LUẬT SỐ 90/2025/QH15

- **Bên mời thầu:** Chủ đầu tư thay thế vai trò của Bên mời thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu.
- **Biểu mẫu mời thầu và dự thầu** (Chương IV. E-HSMT): Chủ đầu tư/nhà thầu thực hiện theo mẫu quy định tại Chương IV. E-HSMT, scan và đính kèm để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.
- **Webform và các nội dung [hệ thống tự động trích xuất] tại các Biểu mẫu:** Chủ đầu tư/nhà thầu điền thông tin vào Biểu mẫu theo quy định tại Chương IV. E-HSMT, scan và đính kèm để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.
- Chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện việc đăng tải các nội dung: KHLCNT, Thông báo mời thầu, E-HSMT, E-HSDT, thực hiện đóng thầu, mở thầu, đánh giá E-HSDT, làm rõ, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu,... theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Nhà thầu cập nhật Luật 90/2025/QH15 các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSDT hoặc rút E-HSDT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động</p>

H-
ẢNH
JOÀ
VIÊN
NA
TH
H P
HÍ M
SẢN

W
5
2hml - ml

đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

h) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;

	<p>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.

UÂN
 THO
 M
 NG
 LO
 NH
 AY TH

7
 Hml
 W
 2ml

	<p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng. <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Bên mời thầu. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư, Bên mời</p>

	<p>thầu và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các</p>



Handwritten signatures and initials in blue ink at the bottom right of the page.

	<p>thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSMT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSMT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28</p>

	ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
18. Bảo đảm dự thầu	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp</p>

luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng

nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

- a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;
- b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:
 - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;
 - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;
 - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
 - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

- a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm

	<p>dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-</p>

	<p>HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu;

	<p>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</p> <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSĐT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSĐT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSĐT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSĐT hoặc có nội dung chưa rõ thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSĐT không đính kèm các tài liệu này thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSĐT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT.</p>

<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh</p>

	các E-HSDT.
27. Nhà thầu phụ	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được</p>

hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.

c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.

28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại **E-BDL**.

28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:

a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);

b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.

c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;

d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;

đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;

e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới từ 25% trở lên có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực;

g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

h) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.



	<p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của nhà thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT; - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu; - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật. <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p>

Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất):

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất. .

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ “không đạt” thành “đạt” khi Hệ thống đã đánh giá “không đạt”. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối

với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng trưng tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng trưng tự trên webform, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải bảo đảm nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;

e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm đã được Hệ thống đánh giá tự động là “đạt” theo

	<p>thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là “không đạt” thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ “đạt” thành “không đạt”. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm từ năm 2021 trở đi, Bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Đối với nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian</p>

	<p>lập quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p> <p>30.3. Bên mời thầu gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Bên mời thầu.</p>
31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Bên mời thầu cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
32. Hủy thầu	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 E-CDNT.</p>
33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết</p>

	<p>quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>

<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
<p>39. Giám sát quá trình lựa</p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực</p>

chọn nhà thầu	hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.
---------------	---

16
MINH

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Chi nhánh Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy</p> <p>Tên dự toán: Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy tại cơ sở nhà đất do VP VTTP quản lý</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Không</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn sản xuất, kinh doanh của VTTP
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: + Chủ đầu tư: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BUỒU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH. <p style="padding-left: 40px;">Địa chỉ chủ đầu tư: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP.Hồ Chí Minh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó. - Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thì được tham dự thầu của nhau theo quy định của pháp luật: <ul style="list-style-type: none"> (i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên. - Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với Chủ đầu tư. <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh</p>

	<p>thứ i; Yi: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT:
E-CDNT 10.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các biểu mẫu dự thầu, quy định tại Chương IV. 2. Bảng tuyên bố đáp ứng Yêu cầu về dịch vụ, quy định tại Mục 3, Chương V của E-HSMT. 3. Bảng tuyên bố đáp ứng Yêu cầu về hợp đồng đối với từng điều khoản quy định tại Chương VI, VII, VIII của E-HSMT. 4. Các nội dung liên quan đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu: <ol style="list-style-type: none"> a. Trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình tham dự thầu: Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin kê khai trên Biểu mẫu và file tài liệu đính kèm trong quá trình tham dự thầu. Nhà thầu nhập thông tin theo yêu cầu của E-HSMT và đính kèm các file tài liệu để chứng minh (theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024) b. Đối với Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự: nhà thầu phải gửi kèm theo Hợp đồng (bao gồm cả phụ lục điều chỉnh hợp đồng (nếu có)), hóa đơn liên quan đến hợp đồng đã cung cấp trong E-HSDT và một trong các văn bản, tài liệu liên quan đến hợp đồng đó như: Biên bản thanh lý hợp đồng hoặc Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc các văn bản xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành. <ul style="list-style-type: none"> - Đối với nhân sự chủ chốt: nhà thầu phải gửi kèm theo các văn bản, chứng chỉ liên quan theo yêu cầu. - Đối với thiết bị, máy móc: Máy móc thiết bị phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê/mượn. Nhà thầu phải gửi đính kèm theo các tài liệu sau: tài liệu chứng minh máy móc thiết bị thuộc sở hữu của nhà thầu (hợp đồng mua bán, hóa đơn). Trường hợp đi thuê/mượn thì phải có hợp đồng thuê thiết bị/ hợp đồng cho mượn thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê/cho mượn. c. Nhà thầu cần phải chuẩn bị bản gốc (hoặc bản sao y chứng thực không quá 06 tháng tính đến ngày đóng thầu) các hồ sơ, chứng từ sau liên quan đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng (nếu có): <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính các năm yêu cầu kê khai số liệu tài chính nêu tại Mục 2.1 Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm, nhà thầu nộp một trong các tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> ❖ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 03 năm tài chính 2022, 2023 và 2024 (1) ❖ Báo cáo tài chính (bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo



	<p>cáo tài chính) trong 03 năm tài chính 2022, 2023 và 2024 và kèm theo một trong các văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biên bản kiểm tra quyết toán thuế; • Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai, trường hợp nhà thầu kê khai quyết toán thuế điện tử, nhà thầu phải cung cấp bản chụp sao y công ty kèm tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử); • Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. • Báo cáo kiểm toán <p>⁽¹⁾ Doanh nghiệp, tổ chức mà pháp luật quy định báo cáo tài chính hàng năm phải được doanh nghiệp kiểm toán thì phải nộp Báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011).</p> <p>- Các tài liệu khác được quy định tại Khoản 30.1, Điều 30 “Đối chiếu tài liệu” thuộc Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu của E-HSMT.</p> <p><i>* Trong quá trình đánh giá, nhà thầu phải có trách nhiệm làm rõ, bổ sung các nội dung trên khi được yêu cầu (nếu có).</i></p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSĐT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 23.800.000 VNĐ. Đối với nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày.</p>
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu: Không áp dụng.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.
E-CDNT 28.2	<p>Cách tính ưu đãi:</p> <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số</p>

	24/2024/NĐ-CP và tại Luật 90/2025/QH15 là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau: Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng.					
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSĐT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.					
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.					
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.					
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.					
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10% Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%					
E-CDNT 34.2	Tùy chọn mua thêm:					
	Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	KL Tùy chọn mua thêm	Tỷ lệ phần trăm (%)
	1	Sửa chữa hệ thống thang máy (bao gồm vật tư và nhân công sửa chữa)			Chi tiết theo Phụ lục A đính kèm trong E-HSMT	25%
E-CDNT 38.2	- Người có thẩm quyền: Giám đốc Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh + Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP.HCM + E-mail: honv.hcm@vnpt.vn - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị: Ban Quản lý dự án Tây thành phố - Viễn thông TP.HCM + Địa chỉ: 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM + E-mail: kiethm.hcm@vnpt.vn					
E-CDNT 39	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Không có.					

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hàng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSĐT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Scan đính kèm)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽⁴⁾	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 ⁽⁵⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 1.767.000.000 ⁽⁶⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽⁷⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: hợp đồng cung cấp Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy ⁽¹⁰⁾ ; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 477.000.000 ⁽¹¹⁾ VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Trường hợp không yêu cầu về doanh thu thì bỏ nội dung yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm tại Mục số 3 Bảng này.

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10), (11) Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc. Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu

(hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Bên mời thầu yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.

- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

Handwritten marks and signatures in the bottom left corner.



2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

				- Chứng minh bằng: bản chụp văn bản tốt nghiệp, chứng chỉ liên quan đính kèm và phải nộp cùng với E-HSDT.
--	--	--	--	---

Ghi chú:

(1) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Scan đính kèm)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy đo vận tốc dài và vận tốc quay	1
2	Máy đo điện trở tiếp đất	1

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
1	Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy		
	Mức độ đáp ứng về phạm vi cung cấp và tiêu chuẩn kỹ thuật	Có phạm vi cung cấp đáp ứng đủ khối lượng và yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2	Mức độ hiểu biết về gói thầu và mục tiêu công việc		
	Am hiểu chung về phạm vi, qui mô của gói thầu	Nhà thầu có trình bày mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc theo yêu cầu của E- HSMT quy định tại tại Chương V của E-HSMT.	Đạt
		Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đúng tính chất và mục đích công việc theo yêu cầu của E-HSMT quy định tại tại Chương V của E-HSMT.	Không đạt
3	Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ		
3.1	Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, yêu cầu kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ theo E-HSMT.	Nhà thầu có trình bày kế hoạch, yêu cầu kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT quy định tại tại Chương V của E-HSMT.	Đạt
		Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày không đúng tính chất và mục đích công việc theo yêu cầu của E-HSMT quy định tại tại Chương V của E-HSMT.	Không đạt
3.2	Biện pháp phòng ngừa rủi ro	Nhà thầu trình bày các giải pháp phòng ngừa rủi ro và kiểm soát chất lượng dịch vụ công tác bảo trì, sửa chữa phù hợp, khả thi và bảo đảm kịp thời đưa ra những khuyến cáo cho Chủ đầu tư trong quá trình bảo trì	Đạt
		Không có giải pháp phòng ngừa rủi ro và kiểm soát chất lượng dịch vụ công tác bảo trì phù hợp, khả thi	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
		hoặc sơ sài, không phù hợp và không có những khuyến cáo cho Chủ đầu tư trong quá trình bảo trì	
3.3	Sẵn sàng ứng phó tình huống khẩn cấp / Các công việc đột xuất	Nhà thầu cam kết trong vòng 01 giờ sẽ phải có nhân viên kỹ thuật tại hiện trường phối hợp với đơn vị sử dụng dịch vụ để xác định và đưa ra phương án khắc phục sự cố	Đạt
		Nhà thầu không có cam kết đáp ứng	Không đạt
4	Biện pháp bảo đảm chất lượng của công tác bảo trì, sửa chữa		
4.1	Biện pháp đảm bảo chất lượng trong quá trình thực hiện dịch vụ: - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho nhân viên để thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu E-HSMT - Quản lý chất lượng cho từng nhiệm vụ: quy trình thực hiện, kiểm tra, phối hợp thông báo cho chủ đầu tư và giám sát thực hiện nhiệm vụ.	Nhà thầu có trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng hợp lý, đầy đủ theo nội dung yêu cầu.	Đạt
		Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày biện pháp đảm bảo chất lượng hợp lý, đầy đủ theo nội dung yêu cầu không đúng tính chất và mục đích công việc theo yêu cầu hồ sơ mời thầu	Không đạt
4.2	Quy trình nghiệm thu	Nhà thầu trình bày chi tiết, đầy đủ quy trình nghiệm thu sau mỗi lần bảo trì thang máy và kiểm định an toàn nghiệm thu đối với sửa chữa lớn của nhà thầu phù hợp với quy định hiện hành. Nhà thầu phải nêu rõ các chỉ tiêu nghiệm thu cần phải đạt tiêu chuẩn như Độ ồn, rung, lắc... và những giải pháp đo...	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu nêu trên	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
5	Mức độ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ:		
5.1	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ.	Nhà thầu có tuyên bố đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Đạt
		Nhà thầu có không tuyên bố đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Không đạt
5.2	Yêu cầu về bảo hiểm trong quá trình bảo trì bảo dưỡng/sửa chữa	Nhà thầu có văn bản cam kết mua các loại bảo hiểm bắt buộc liên quan đến trách nhiệm của nhà thầu theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP, cụ thể: - Bảo hiểm cho người lao động trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ. - Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba Cung cấp bản sao y các giấy chứng nhận bảo hiểm trên	Đạt
		Nhà thầu không có văn bản cam kết	Không đạt
6	Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT		
6.1	Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Nhà thầu có văn bản cam kết đáp ứng tiến độ thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Đạt
		Nhà thầu không có văn bản cam kết đáp ứng tiến độ thực hiện gói thầu theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
7	Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:		
7.1	Biện pháp an toàn lao động phải hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ	Nhà thầu có trình bày biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ.	Đạt
		Nhà thầu không có trình bày biện pháp an toàn lao động hoặc có trình bày biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ	Không đạt
7.2	Biện pháp an toàn vệ sinh lao động - Phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường bảo đảm hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ	Nhà thầu có trình bày các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động; an toàn Phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ	Đạt
		Nhà thầu không có trình bày các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động; an toàn Phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường hoặc có trình bày nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thực hiện dịch vụ	Không đạt
7.3	Tính tương thích của hàng hóa / vật tư, thiết bị, linh kiện dự phòng thay thế với hệ thống hiện trạng	Nhà thầu cam kết về tính tương thích của các hàng hóa / vật tư, thiết bị, linh kiện dự phòng thay thế với hệ thống hiện trạng về công nghệ, vận hành, cam kết chịu mọi trách nhiệm và đền bù tổn thất do sự không tương thích của các hàng hóa / vật tư, thiết bị, linh kiện do nhà thầu đề xuất với hệ thống hiện trạng.	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
		Không có cam kết	Không đạt
Kết luận: Nhà thầu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn 1-7 được xác định là Đạt .			

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trong trường hợp nhiều nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) bằng nhau thì sẽ xếp hạng nhà thầu theo thứ tự ưu tiên: 1) Quy định tại Khoản 18 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ; 2) Nhà thầu có giá trị nội dung bước 1 thấp hơn.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSĐT (nếu có): không có

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): không có

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)	Bảng scan trong E-HSMT	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Bảng scan đính kèm trong E-HSDT		X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)			X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
7	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
8	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
10	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
11	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
12	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
13	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
14	Mẫu số 11B. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			X



15	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X
----	---	--	--	---

PHẠM VI CUNG CẤP

(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy					
1	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy (Thang máy hiệu Á Châu - Thiết bị điều khiển ORONA (AC'P' - 450 - CO 800 - 4/4 - ARD))	Theo quy định tại Chương V	12	Thang	125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP.HCM	12 tháng
2	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy (Thang máy hiệu FUJI: tải trọng 800kg, tốc độ 1,5 m/s, 09 điểm dừng)	Theo quy định tại Chương V	48	Thang	12/1 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, TP.HCM	12 tháng
3	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy (Thang máy hiệu ORIENTAL: tải trọng 630kg, tốc độ 1,5 m/s, 06 điểm dừng)	Theo quy định tại Chương V	36	Thang	270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM	12 tháng
4	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy (Thang máy hiệu FUJITEC: tải trọng 1050kg, 14 điểm dừng)	Theo quy định tại Chương V	36	Thang	1487 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng

Handwritten signature and date: 12/11/2017

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại Lô II, 4 Đường CN13, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú (Thang máy hiệu NIPPONLIFT VIET NAM-NP630-CO90: tải trọng 630kg, tốc độ 1,5 m/s, 08 điểm dừng)	Theo quy định tại Chương V	24	Thang	Lô II-4 đường số 13, cụm 3, Nhóm Công nghiệp II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	12 tháng
II	Dịch vụ sửa chữa hệ thống thang máy					
6	Sửa chữa hệ thống thang máy (bao gồm vật tư và nhân công sửa chữa)	Theo quy định tại Mục 3 Chương V	1	Gói	Chi tiết theo Phụ lục A đính kèm trong E-HSMT	12 tháng

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

Ngày: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: ___ [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Hệ thống tự động trích xuất], Mã số thuế _____, [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu _____ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: _____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSMT: _____ [Hệ thống tự động trích xuất]

Bảo đảm dự thầu*: _____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.⁽⁵⁾

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(5) Trường hợp pháp luật có quy định đối với gói thầu đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”.

QUA
+
N
+ TH
AM
ÔNG
PHỒ
MINH
TAY

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: _____
[*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ___ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1(c) E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSMT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSMT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu
	Địa chỉ chủ sở hữu

	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		



Handwritten signature
69
Handwritten signature

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.
- Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	(Hệ thống tự động tính)		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Hệ thống trích xuất
- Cột (8): Nhà thầu điền

Handwritten signature and initials in blue ink.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	Các hạng mục					$A=A_1+A_2+...$
1	Theo bảng 01B	Theo bảng 01B	Theo bảng 01B	Theo bảng 01B		$A_1=(4) \times (6)$
2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		0%			$B_1 = 0\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B1

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Hệ thống tự tính

- *Áp dụng mức thuế GTGT 08% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025.*

BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ⁽¹⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây ⁽²⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp nhà thầu tích chọn “Có” thì nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

Handwritten signature and initials in blue ink.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Dự toán: Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy tại cơ sở nhà đất do VP VTTP quản lý.
- Gói thầu: Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng.
- Địa điểm thực hiện:
 - + 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP.HCM;
 - + 12/1 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, TP.HCM;
 - + 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM;
 - + 1487 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Hưng, TP.HCM;
 - + Lô II-4 đường số 13, cụm 3, Nhóm Công nghiệp II, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP.HCM.
- Quy mô:

Bảng : 01

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất thực hiện	Thời gian hợp đồng (tháng)
I	Dịch vụ bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy				
1	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP.HCM (Thang máy hiệu Á Châu - Thiết bị điều khiển ORONA (AC'P' - 450 - CO 800 - 4/4 - ARD))	Thang / tháng	1	1 Lần / tháng	12
2	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 12/1 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, TP.HCM (Thang máy hiệu FUJI: tải trọng 800kg, tốc độ 1,5 m/s, 09 điểm dừng)	Thang / tháng	4	1 Lần / tháng	12
3	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM (Thang máy hiệu ORIENTAL: tải trọng 630kg, tốc độ 1,5 m/s, 06 điểm dừng)	Thang / tháng	3	1 Lần / tháng	12
4	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 1487 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Hưng,	Thang / tháng	3	1 Lần / tháng	12

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất thực hiện	Thời gian hợp đồng (tháng)
	TP.HCM (Thang máy hiệu FUJITEC: tải trọng 1050kg, 14 điểm dừng)				
5	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại Lô II, 4 Đường CN13, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, TP.HCM (Thang máy hiệu NIPPONLIFT VIET NAM-NP630-CO90: tải trọng 630kg, tốc độ 1,5 m/s, 08 điểm dừng)	Thang / tháng	2	1 Lần / tháng	12
II Dịch vụ sửa chữa hệ thống thang máy					
1	Sửa chữa hệ thống thang máy (bao gồm vật tư và nhân công sửa chữa)	Gói	1 (Chi tiết theo Phụ lục A đính kèm)	Phát sinh theo nhu cầu sửa chữa	12

Ghi chú: Nhà thầu phải thực hiện dịch vụ theo số lượng mời thầu tại Bảng 11B và tần suất thực hiện như bảng số 01 trên.

Nhà thầu tạm thời áp dụng mức thuế GTGT 8% cho tất cả các hàng hóa, dịch vụ để chào thầu và là cơ sở thống nhất đánh giá, lựa chọn nhà thầu (cùng mặt bằng), thương thảo, ký kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ căn cứ thực tế thực hiện, các khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ nào thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025. Theo đó hai bên sẽ thương thảo, ký kết Phụ lục hợp đồng điều chỉnh mức thuế GTGT cho nhóm hàng hóa, dịch vụ này, làm cơ sở xuất hóa đơn và thanh quyết toán theo đúng quy định.

2. Mục tiêu công việc:

Thực hiện bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thang máy nhằm đảm bảo thang máy hoạt động an toàn, ổn định, kéo dài tuổi thọ cho hệ thống, tăng tính hiệu quả hoạt động của thiết bị.

Nội dung bảo trì bảo dưỡng thang máy 12 lần/1 năm, một tháng một lần đối với hệ thống thang máy.

3. Yêu cầu về kỹ thuật

3.1. Các yêu cầu trong bảo trì bảo dưỡng và sửa chữa thay thế

- Nhà thầu thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý sự cố phải sử dụng thiết bị thang và các thiết bị chuyên dụng để thực hiện bảo dưỡng.

- Trước khi thực hiện bảo dưỡng, xử lý sự cố, nhà thầu phải lên kế hoạch chi tiết, thông báo cho phòng cơ sở vật chất tìm hiểu thông tin về loại hình và kiểm tra khi cần thiết để nắm rõ được loại hình và vị trí thiết bị.

- Trong quá trình tiến hành bảo dưỡng, xử lý sự cố, nhà thầu phải tuân thủ và có biện pháp bảo đảm an toàn lao động, các biện pháp đề phòng cần thiết để tránh

làm hư hại các những công trình đó.

- Nhà thầu phải trình bày các sự cố có thể phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ bảo trì và giải pháp để phòng tránh, hạn chế các sự cố đó.

- Trong trường hợp Nhà thầu làm hỏng thiết bị khác, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bố trí sửa chữa ngay và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa đó, bao gồm cả chi phí hoàn trả, khôi phục khu vực xung quanh.

- Máy móc thiết bị điều động đến phục vụ bảo dưỡng, xử lý sự cố đảm bảo theo đúng tiến độ kế hoạch để sử dụng các thiết bị hợp lý, cung ứng kịp thời theo đúng tiến độ, chất lượng.

- Nhà thầu cam kết thời gian đáp ứng xử lý sự cố kịp thời khi có yêu cầu của Chủ đầu tư trong vòng 01 giờ.

- Có cam kết cung cấp linh kiện và vật tư của chính hãng thiết bị cần thay thế để đảm bảo cho hệ thống làm việc liên tục và đồng bộ

- Cam kết vật tư thay thế phải mới 100%, chưa qua sử dụng, tương thích với các thiết bị sẵn có và điều kiện khí hậu tại Việt Nam.

- Sau khi bảo trì, sẽ kiểm soát chất lượng thông qua sử dụng để làm cơ sở xem xét chất lượng dịch vụ và đánh giá hiệu quả. Có biên bản xác nhận.

3.2. Yêu cầu về nhân sự :

- Công nhân : Có chứng chỉ đào tạo về thang máy của một trong các hãng thang máy (MITSUBISHI, FUJI, ...) và căn cước công dân.

- Yêu cầu chung:

- Công dân trong độ tuổi lao động;

- Có lý lịch cá nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác thực hiện dịch vụ;

- Có kiến thức hiểu biết, chuyên môn phù hợp;

- Có đủ sức khỏe làm việc;

- Đáp ứng các yêu cầu khác của E-HSMT.

3.3. Yêu cầu về vật tư thay thế:

Vật tư thiết bị, linh kiện thay thế đảm bảo chính hãng, đồng bộ với thiết bị hiện hữu, đảm bảo hoạt động ổn định, kéo dài tuổi thọ của thiết bị.

3.4. Yêu cầu về an toàn lao động, an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ:

- Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các quy định về an toàn lao động, an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo Tiêu chuẩn Việt Nam đối với những công việc liên quan đến gói thầu.

- Nhà thầu tự trang bị những dụng cụ sơ cứu, cấp cứu tối thiểu.

- Nhà thầu phải thực hiện mọi biện pháp để bảo đảm an toàn lao động, an toàn vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện công việc trên phạm vi Nhà thầu hoạt động bằng nguồn kinh phí của mình. Nhà thầu phải trang bị đồ bảo hộ lao động (quần áo, mũ, giày và các đồ dùng bảo hộ lao động khác) cho tất cả nhân sự trong suốt thời gian thực hiện công việc. Nhân sự không được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động thì không được phép thực hiện công việc. Nhà thầu phải chịu

mọi phí tổn và trách nhiệm pháp lý về việc tai nạn xảy ra.

3.5. Nội dung công tác bảo trì bảo dưỡng

NỘI DUNG CÔNG TÁC BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG

A: Hoạt động bình thường B: Chú ý kiểm tra
(Có dấu hiệu lão hóa, chập chờn) C: Thiết bị cần thay thế

NỘI DUNG BẢO TRÌ ĐỊNH KÌ HÀNG THÁNG						
Chi tiết	Tình trạng			Chi tiết	Tình trạng	
	A	B	C		A	B
I. Phòng máy						
1/ Tình trạng phòng máy						
2/ Chiếu sáng phòng máy						
3/ Tiếp địa giàn chassi						
4/ Vệ sinh phòng máy						
II. Máy kéo	A	B	C		A	B
1/ Tiếp địa vỏ máy kéo				5/ Bạc đạn		
2/ Cuộn thẳng máy kéo				6/ Puly máy, puly truyền		
3/ Thiết bị cáo thẳng				7/ Tiếng đóng mở thẳng		
4/ Nhớt máy kéo				8/ Thông số máy kéo		
III. Tủ điện	A	B	C		A	B
1/ Vệ sinh tủ điện				3/ Thiết bị trong tủ điện a/ Điện áp nguồn vào (cb) b/ Contactor, Relay c/ Domino		
2/ Tiếp địa trong tủ điện				d/ Biến tần chính e/ PLC (maind board)		
IV. Nóc thang và hồ thang	A	B	C		A	B
1/ Khung an toàn				11/ Công tắc cửa tầng và car		
2/ Móng ngựa (Sensor)				12/ Chuông dừng tầng		
3/ Công tắc hành trình				13/ Thiết bị quá tải và chuông		
4/ Ty cáp				14/ Vệ sinh nóc và hồ thang		
5/ Độ trùng của các sợi cáp				15/ Biến tần cửa		
6/ Shoes car và shoes đối trọng				16/ Motor cửa		
7/ Governor				17/ Các bánh xe dẫn hướng cửa		
8/ Thẳng cơ				18/ Dây corua cửa		
9/ Hộp nhớt, châm nhớt				19/ Cáp cửa car		
10/ Pulley, bạc đạn puly				20/ Thông số cáp		
V. Phòng thang	A	B	C		A	B

1/ Đèn, quạt				4/ Cửa tầng			
2/ Hiển thị, các nút gọi trên butong car				5/ Cáp cửa và đối trọng cửa tầng			
3/Vệ sinh phòng thang				6/ Kiểm tra thắng cơ (6T/lần) Ngày kiểm tra gần nhất			
VI.Tủ cứu hộ	A	B	C		A	B	C
1/ Vận hành				3/ Bình ắc quy			
2/ Chủng loại, công suất				4/ Board sạc			
VII.Hồ Thang	A	B	C		A	B	C
1/ Vệ sinh hồ				4/ Đèn trong hồ			
2/ Giới hạn cuối cùng				5/ Thiết bị tiếp địa dưới hồ			
3/ Đối trọng governo							

3.6. Yêu cầu, phạm vi, nội dung công việc:

3.6.1. Yêu cầu:

STT	Nội dung công việc	Mô tả Phạm vi và nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian thuê dịch vụ
1	BTBD, sửa chữa hệ thống thang máy tại cơ sở nhà đất do VP VTTP quản lý				
1.1	BTBD hệ thống thang máy	Mục 3.6.: Yêu cầu, phạm vi, nội dung công việc	Thang / tháng	13	12 tháng
1.2	Sửa chữa hệ thống thang máy	Mục 3.7.: Mô tả chi tiết thiết bị, phụ kiện, kết cấu của thang máy cần kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa/thay thế (nếu có)	Gói	1 (Chi tiết theo Phụ lục A đính kèm)	12 tháng

3.6.2. Phạm vi công việc:

Stt	Tên dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Tần suất	Thời gian cung cấp dịch vụ
1	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 125 Hai Bà Trưng, Q.1	Thang / tháng	1	1 Lần / tháng	Từ 8h00 đến 17h00 hàng ngày kể cả Chủ nhật, ngày Lễ)
2	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 12/1 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1	Thang / tháng	4	1 Lần / tháng	Từ 8h00 đến 17h00 hàng ngày kể cả Chủ nhật, ngày Lễ)
3	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 270B Lý Thường Kiệt, Q.10	Thang / tháng	3	1 Lần / tháng	Từ 8h00 đến 17h00 hàng ngày kể cả Chủ nhật, ngày Lễ)
4	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại 1487 Nguyễn Văn Linh, Quận 7	Thang / tháng	3	1 Lần / tháng	Từ 8h00 đến 17h00 hàng ngày kể cả Chủ nhật, ngày Lễ)

5	Bảo trì bảo dưỡng hệ thống thang máy tại Lô II, 4 Đường CN13, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú	Thang / tháng	2	1 Lần / tháng	Từ 8h00 đến 17h00 hàng ngày kể cả Chủ nhật, ngày Lễ)
TỔNG CỘNG			13		

3.6.3. Nội dung công việc:

Được hệ thống hóa trên cơ sở an toàn kỹ thuật theo tiêu chuẩn Nhà nước Việt Nam, qui trình bảo trì – bảo dưỡng cho các thiết bị nâng chuyển (thang máy) thực hiện định kỳ theo các mốc thời gian tần suất nêu trên.

Bao gồm công tác kiểm tra, hiệu chỉnh, bôi trơn các thiết bị và vệ sinh công nghiệp, công tác bảo trì – bảo dưỡng định kỳ được tổ chức thực hiện đồng thời theo các nội dung sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ	Phương pháp kiểm tra	Thông số quy định	Kết quả kiểm tra (Đạt/ Không đạt)
A	Trong phòng máy			
1	Điện áp nguồn cung cấp	- Đo và kiểm tra		
2	Các thiết bị trong tủ điều khiển : khởi động từ, role,...	- Vệ sinh các thiết bị trong tủ điều khiển	Nhận biết	
3	Bộ cứu hộ.	- Chạy thử theo đặc tính kỹ thuật có trong hợp đồng	Nhận biết	
4	Kiểm tra sự làm việc của má phanh của động cơ.	- Quan sát & đo đạc bằng thiết bị chuyên dụng.	Nhận biết	
5	Chất lượng & mức dầu trong hộp giảm tốc.	- Quan sát	Nhận biết	
6	Tình trạng cáp thép và puli.	- Quan sát	Nhận biết	
7	Bộ hạn chế tốc độ, lấy cơ, công tắc điện.	- Thử	Nhận biết	
8	Nhiệt độ, độ ẩm, của buồng thang.	- Quan sát	Nhận biết	
9	Mặt sàn phòng máy.	- Vệ sinh	Nhận biết	
10	Đèn chiếu sáng, cửa ra vào và khóa cửa.	- Quan sát	Nhận biết	
B	Trong giếng thang			
1	Các công tắc hạn chế hành trình trên.	- Kiểm tra, vệ sinh	Nhận biết	
2	Liên kết giữa công tắc với giá đỡ, giá đỡ với ray.	- Quan sát	Nhận biết	
3	Liên kết ray với gối đỡ, gối đỡ với vách.	- Xiết lại	Nhận biết	
4	Đầu treo cáp cabin đầu treo cáp đối trọng, êcu khóa cáp.	- Quan sát	Nhận biết	
5	Độ căng đồng đều của cáp thép.	- Quan sát	Nhận biết	
6	Cờ dừng tầng	- Kiểm tra & căn chỉnh	Nhận biết	
7	Kiểm tra độ bằng tầng	- Quan sát	Nhận biết	

STT	TÊN THIẾT BỊ	Phương pháp kiểm tra	Thông số quy định	Kết quả kiểm tra (Đạt/ Không đạt)
8	Số lượng và chất lượng dầu trong hộp ở ray cabin & đối trọng	- Kiểm tra & bổ sung	Nhận biết	
9	Guốc trượt trên cửa cabin, đối trọng.	- Kiểm tra & căn chỉnh	Nhận biết	
10	Các đệm cao su chống rung, lắc cabin.	- Quan sát	Nhận biết	
11	Quạt thông gió cabin.	- Kiểm tra	Nhận biết	
12	Cáp treo quả đối trọng cửa tầng của ở các tầng.	- Xiết lại	Nhận biết	
13	Khóa cửa tầng ở các tầng.	- Kiểm tra	Nhận biết	
14	Khe hở cửa tầng và độ thẳng đứng của các cửa tầng.	- Kiểm tra & căn chỉnh	Nhận biết	
15	Tiếp điểm điện của các cửa tầng.	- Kiểm tra, vệ sinh & căn chỉnh	Nhận biết	
16	Cáp điện dọc giếng thang	- Quan sát	Nhận biết	
C	Hố pít và phía dưới cabin			
1	Các công tắc hạn chế hành trình dưới	- Tháo kiểm tra & vệ sinh tiếp điểm	Nhận biết	
2	Liên kết giữa công tắc với giá đỡ, giá đỡ với ray.	- Quan sát	Nhận biết	
3	Kiểm tra sự làm việc của má phanh ở dưới cabin.	- Thử	Nhận biết	
4	Guốc trượt dưới của cabin & đối trọng.	- Kiểm tra & căn chỉnh	Nhận biết	
5	Vị trí cố định cáp dẹt.	- Quan sát	Nhận biết	
6	Công tắc và bộ gá công tắc quá tải.	- Kiểm tra & căn chỉnh	Nhận biết	
7	Công tắc, ổ cắm, đèn ở đáy giếng thang.	- Quan sát	Nhận biết	
8	Môi trường hố pít.	- Kiểm tra, vệ sinh	Nhận biết	
D	Trong cabin			
1	Đèn chiếu sáng.	- Quan sát	Nhận biết	
2	Điện thoại nội bộ.	- Thử	Nhận biết	
3	Chuông cứu hộ.	- Thử	Nhận biết	
4	Bảng điều khiển trong cabin.	- Quan sát	Nhận biết	
5	Rãnh dẫn hướng cửa cabin.	- Kiểm tra, vệ sinh	Nhận biết	
6	Sensor an toàn cửa cabin.	- Quan sát	Nhận biết	

STT	TÊN THIẾT BỊ	Phương pháp kiểm tra	Thông số quy định	Kết quả kiểm tra (Đạt/ Không đạt)
7	Khe hở cửa và độ thẳng đứng của cửa cabin.	- Quan sát	Nhận biết	
E	Ngoài cửa tầng			
1	Bảng điều khiển ở các tầng.	- Kiểm tra & căn chỉnh	Nhận biết	
2	Rãnh dẫn hướng cửa tầng ở các tầng.	- Kiểm tra, vệ sinh	Nhận biết	
3	Khe hở cửa tầng và độ thẳng đứng của các cửa tầng.	- Kiểm tra & căn chỉnh	Nhận biết	

3.6.4. Mô tả chi tiết thiết bị, phụ kiện của thang máy cần kiểm tra, sửa chữa/thay thế (nếu có):

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính
1	Biến tần 7.5kw	Cái
2	Biến tần 11kw	Cái
3	Biến tần 15kw	Cái
4	Biến tần 18.5kw	Cái
5	Board mạch SM5021	Cái
6	Board mạch SM02D	Cái
7	Board mạch SM02H	Cái
8	Board mạch SM02G	Cái
9	Board mạch SM03D	Cái
10	Board hiển thị tầng	Cái
11	Board mạch Relay	Cái
12	Cáp tải phi 10 - Korea	Mét
13	Cáp tải phi 08 - Korea	Mét
14	Contactơ 220V-13A	Cái
15	Contactơ 220V-19A	Cái
16	Contactơ 220V-26A	Cái
17	Contactơ 220V-35A	Cái
18	Contactơ 220V-50A	Cái

STT	Danh mục vật tư	Đơn vị tính
19	Quạt Cabin 22w/25w	Cái
20	Shoe trượt T78-89	Cái
21	Shoe đối trọng TK5A	Cái
22	Nút nhấn gọi tầng 33*50	Cái
23	Dolock thuận	Bộ
24	Switch hành trình	Cái
25	Photocell	Bộ
26	Guốc cửa	Cái
27	Bộ khống chế tốc độ (Gor trên)	Bộ
28	Bộ khống chế tốc độ (Gor Dưới)	Bộ
29	Bộ intercom	Bộ
30	Role 24 – có đế	Cái
31	Role 220 – có đế	Cái
32	Nguồn 220v-24V	Cái
33	CB 3 Pha 60A panasonic	Cái
34	Tủ điều khiển AS380 7.5kw	Tủ
35	Tủ điều khiển AS380 11kw	Tủ
36	Tủ điều khiển AS380 15kw	Tủ
37	Tủ điều khiển AS380 18kw	Tủ
38	Switch không tự phục hồi	Cái
39	Switch tự phục hồi	Cái
40	Biến tần cửa	Cái
41	Switch cửa (từ)	Cái
42	Bánh xe treo đầu cửa 48	Cái
43	Bánh xe treo đầu cửa 56	Cái
44	Bánh xe treo đầu cửa 72	Cái
45	Bình acquy 12v7.5AH	Bình
46	Bình acquy 12v18AH	Bình
47	Bình acquy 12v20AH	Bình

3.6.5. Nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo trì:

3.6.5.1. Hệ thống điện thang máy:

- Kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn hệ thống và từng thiết bị thông qua chức năng của thiết bị giám sát, quan sát trực tiếp thiết bị bằng mắt thường và dùng đồng hồ vạn năng đo.

- Vệ sinh công nghiệp: Tháo, lau chùi, lắp lại đối với các thiết bị vẫn hoạt động bình thường.

- Xác định mức độ hư hỏng của thiết bị (nếu có) và đưa ra biện pháp sửa chữa tại chỗ hoặc thay thế mới kèm theo báo giá thiết bị trình đơn vị chủ quản (nếu như phát sinh nằm ngoài phạm vi bảo hành ghi trên xác nhận bảo hành).

- Kiểm tra sự hoạt động toàn bộ hệ thống đảm bảo vận hành tốt có biên bản xác nhận của đơn vị chủ quản.

3.6.5.2. Hệ thống cơ khí thang máy:

- Kiểm tra mức tổn hao dầu trong các thiết bị dẫn động, cấp tải, hộp dầu bôi trơn ray.

- Kiểm tra thao tác và vị trí đóng mở cửa tầng, cửa Cabin.

- Kiểm tra các chi tiết cơ khí tại các bộ phận chuyển động: Guốc dẫn hướng Cabin - đối trọng, hệ thống phanh cơ khí, hệ thống treo cấp tải dẫn động thang máy....

- Vệ sinh công nghiệp các thiết bị.

- Nếu có sự hao hụt vượt quá quy định đối với dầu động cơ hoặc các thiết bị hỏng không khắc phục được gây nguy cơ mất an toàn phải lập biên bản kiến nghị đơn vị chủ quản cho tháo dỡ thay thế (kèm theo báo giá chi tiết).

3.6.5.3. Các công việc đột xuất

- Khi có sự cố mà đơn vị sử dụng (Bên A) không xử lý được thì gọi qua số điện thoại nóng (đã in/dán trong thang máy), trong vòng 01 giờ, đơn vị bảo trì (Bên B) sẽ phải có nhân viên kỹ thuật tại hiện trường để xác định và đưa ra phương án khắc phục sự cố.

- Khi Bên A có nhu cầu sửa chữa có liên quan tới hệ thống thang máy thì thông báo cho Bên B để cử nhân viên kỹ thuật cùng phối hợp.

3.6.5.4. Trách nhiệm của đơn vị bảo trì bảo dưỡng/ sửa chữa thang máy (Bên B):

3.6.5.4.1 Bên B có đội ngũ nhân viên bảo trì được đào tạo, nhiệt tình, có tay nghề để có thể bảo trì thiết bị một cách đúng đắn, hiệu quả và an toàn.

3.6.5.4.2 Bên B có kế hoạch bảo trì định kỳ mỗi tháng một lần, được thực hiện trong giờ hành chính vào các ngày làm việc bình thường, sử dụng những phương pháp bảo trì tiên tiến.

QUẢN
N
I TH
A.M
ÔNG
PH
MINH
V TÂN

3.6.5.4.3 Bên B có trách nhiệm căn chỉnh bảo dưỡng dầu mỡ các chi tiết của thiết bị căn cứ vào các nguyên nhân sau:

- Bị sai lệch trong quá trình sử dụng mà không do Bên A hoặc các điều kiện khách quan khác gây ra.

- Theo ý kiến của Bên B là việc căn chỉnh và bảo dưỡng dầu mỡ là cần thiết để đảm bảo thang hoạt động ổn định và an toàn.

3.6.5.4.4 Bên B có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Bên A về việc cần thay thế hoặc sửa chữa các chi tiết thiết bị nhằm đảm bảo các chức năng gốc của thiết bị, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn, đảm bảo hoạt động ổn định của thiết bị. Chi phí cho việc thay thế và sửa chữa không nằm trong phạm vi của hợp đồng này, tuy nhiên Bên B sẽ cung cấp các dịch vụ sửa chữa và phụ tùng thay thế cho Bên A với giá ưu đãi.

3.6.5.4.5 Bên B có trách nhiệm trong mỗi lần đến bảo trì, vệ sinh khu vực phòng máy, trong giếng thang, thanh trượt cửa nhưng không chịu trách nhiệm về việc rác từ bên ngoài ném vào.

3.6.5.4.6 Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A các biên bản bảo trì hàng tháng.

3.6.5.4.7 Bên B có cung cấp dịch vụ trực đường dây nóng 24/24 giờ trong 365 ngày/năm (**Hotline ...**) nhằm cứu hộ và sửa chữa khẩn cấp theo cuộc gọi của khách hàng trong thời gian nhanh nhất có thể. Tuy nhiên Bên B có quyền tính tiền dịch vụ khẩn cấp này nếu đó là cuộc gọi quá nhiều hoặc sự cố gây ra là do người sử dụng hoặc do các lý do khác nằm ngoài sự kiểm soát của Bên B

3.6.5.4.8 Bên B có Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm công cộng và sản phẩm cho tất cả các sản phẩm thang máy và thang cuốn do đơn vị cung cấp, lắp đặt, bảo hành và bảo trì. Trong trường hợp xảy ra sự cố gây ra tổn thất về người và tài sản của hành khách thì hành khách được bồi hoàn theo các quy định của Hợp đồng bảo hiểm đã được Luật pháp Việt Nam quy định.

3.7. Dịch vụ Sửa chữa hệ thống thang máy (bao gồm vật tư và nhân công sửa chữa) / Mô tả chi tiết thiết bị, phụ kiện của thang máy cần kiểm tra sửa chữa/thay thế (nếu có):

Stt	Tên dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Tần suất thực hiện	Thời gian cung cấp dịch vụ
1	Sửa chữa hệ thống thang máy (bao gồm vật tư và nhân công sửa chữa)	Gói	1 (Chi tiết theo Phụ lục A đính kèm) (*)	Phát sinh theo nhu cầu sửa chữa	12 tháng

(*) Đây là gói các linh kiện, vật tư dự trữ thay thế khi sửa chữa hệ thống thang máy (khi phát sinh nhu cầu). Trong E-HSDT nhà thầu phải đính kèm bảng giá chào chi tiết cho từng chủng loại linh kiện, vật tư, trong đó nêu rõ xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu của từng chủng loại đó. (danh mục linh kiện, vật

tư theo Phụ lục đính kèm trong E-HSMT, chỉ chào cho số lượng mời thầu, không chào cho số lượng tùy chọn mua thêm). Nhà thầu sẽ chào theo mẫu sau:

Bảng chào giá chi tiết cho sửa chữa hệ thống thang máy:

STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
I	Sửa chữa hệ thống thang máy tại 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP.HCM (Thang máy hiệu Á Châu - Thiết bị điều khiển ORONA (AC'P' – 450 - CO 800 – 4/4 – ARD))					
1	Biến tần 7.5kw	Cái	1			
2	Biến tần 11kw	Cái	1			
3	Biến tần 15kw	Cái	1			
4	Biến tần 18.5kw	Cái	1			
5	Board mạch SM5021	Cái	1			
6	Board mạch SM02D	Cái	1			
7	Board mạch SM02H	Cái	1			
8	Board mạch SM02G	Cái	1			
9	Board mạch SM03D	Cái	1			
10	Board hiển thị tầng	Cái	1			
11	Board mạch Relay	Cái	1			
12	Cáp tải phi 10 - Korea	Mét	1			
13	Cáp tải phi 08 – Korea	Mét	1			
14	Contactơ 220V-13A	Cái	1			
15	Contactơ 220V-19A	Cái	1			
16	Contactơ 220V-26A	Cái	1			
17	Contactơ 220V-35A	Cái	1			
18	Contactơ 220V-50A	Cái	1			
19	Quạt Cabin 22w/25w	Cái	1			
20	Shoe trượt T78-89	Cái	1			
21	Shoe đổi trọng TK5A	Cái	1			
22	Nút nhấn gọi tầng 33*50	Cái	1			
23	Dolock thuận	Bộ	1			
24	Switch hành trình	Cái	1			
25	Photocell	Bộ	1			
26	Guốc cửa	Cái	1			

STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền	
27	Bộ khống chế tốc độ (Gor trên)	Bộ	1				
28	Bộ khống chế tốc độ (Gor Dưới)	Bộ	1				
29	Bộ intercom	Bộ	1				
30	Role 24 – có đế	Cái	1				
31	Role 220 – có đế	Cái	1				
32	Nguồn 220v-24V	Cái	1				
33	CB 3 Pha 60A panasonic	Cái	1				
34	Tủ điều khiển AS380 7.5kw	Tủ	1				
35	Tủ điều khiển AS380 11kw	Tủ	1				
36	Tủ điều khiển AS380 15kw	Tủ	1				
37	Tủ điều khiển AS380 18kw	Tủ	1				
38	Switch không tự phục hồi	Cái	1				
39	Switch tự phục hồi	Cái	1				
40	Biến tần cửa	Cái	1				
41	Switch cửa (tự)	Cái	1				
42	Bánh xe treo đầu cửa 48	Cái	1				
43	Bánh xe treo đầu cửa 56	Cái	1				
44	Bánh xe treo đầu cửa 72	Cái	1				
45	Bình acquy 12v7.5AH	Bình	1				
46	Bình acquy 12v18AH	Bình	1				
47	Bình acquy 12v20AH	Bình	1				
	Giá trị trước thuế (VNĐ)						
	Thuế GTGT (ghi rõ thuế suất)						
	Giá trị sau thuế (VNĐ)						
II	Sửa chữa hệ thống thang máy tại 12/1 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh (Thang máy hiệu FUJI: tải trọng 800kg, tốc độ 1,5 m/s, 09 điểm dừng)						
1	Biến tần 7.5kw	Cái	1				
2	Biến tần 11kw	Cái	1				
3	Biến tần 15kw	Cái	1				
4	Biến tần 18.5kw	Cái	1				
5	Board mạch SM5021	Cái	1				

STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
6	Board mạch SM02D	Cái	1			
7	Board mạch SM02H	Cái	1			
8	Board mạch SM02G	Cái	1			
9	Board mạch SM03D	Cái	1			
10	Board hiển thị tầng	Cái	1			
11	Board mạch Relay	Cái	1			
12	Cáp tải phi 10 - Korea	Mét	1			
13	Cáp tải phi 08 – Korea	Mét	1			
14	Contactơ 220V-13A	Cái	1			
15	Contactơ 220V-19A	Cái	1			
16	Contactơ 220V-26A	Cái	1			
17	Contactơ 220V-35A	Cái	1			
18	Contactơ 220V-50A	Cái	1			
19	Quạt Cabin 22w/25w	Cái	1			
20	Shoe trực T78-89	Cái	1			
21	Shoe đổi trọng TK5A	Cái	1			
22	Nút nhấn gọi tầng 33*50	Cái	1			
23	Dolock thuận	Bộ	1			
24	Switch hành trình	Cái	1			
25	Photocell	Bộ	1			
26	Guốc cửa	Cái	1			
27	Bộ khống chế tốc độ (Gor trên)	Bộ	1			
28	Bộ khống chế tốc độ (Gor Dưới)	Bộ	1			
29	Bộ intercom	Bộ	1			
30	Role 24 – có đế	Cái	1			
31	Role 220 – có đế	Cái	1			
32	Nguồn 220v-24V	Cái	1			
33	CB 3 Pha 60A panasonic	Cái	1			
34	Tủ điều khiển AS380 7.5kw	Tủ	1			
35	Tủ điều khiển AS380 11kw	Tủ	1			
36	Tủ điều khiển AS380 15kw	Tủ	1			



Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
37	Tủ điều khiển AS380 18kw	Tủ	1			
38	Switch không tự phục hồi	Cái	1			
39	Switch tự phục hồi	Cái	1			
40	Biến tần cửa	Cái	1			
41	Switch cửa (tù)	Cái	1			
42	Bánh xe treo đầu cửa 48	Cái	1			
43	Bánh xe treo đầu cửa 56	Cái	1			
44	Bánh xe treo đầu cửa 72	Cái	1			
45	Bình acquy 12v7.5AH	Bình	1			
46	Bình acquy 12v18AH	Bình	1			
47	Bình acquy 12v20AH	Bình	1			
Giá trị trước thuế (VNĐ)						
Thuế GTGT (ghi rõ thuế suất)						
Giá trị sau thuế (VNĐ)						
STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
III	Sửa chữa hệ thống thang máy tại 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, Tp. Hồ Chí Minh (Thang máy hiệu ORIENTAL: tải trọng 630kg, tốc độ 1,5 m/s, 06 điểm dừng)					
1	Biến tần 7.5kw	Cái	1			
2	Biến tần 11kw	Cái	1			
3	Biến tần 15kw	Cái	1			
4	Biến tần 18.5kw	Cái	1			
5	Board mạch SM5021	Cái	1			
6	Board mạch SM02D	Cái	1			
7	Board mạch SM02H	Cái	1			
8	Board mạch SM02G	Cái	1			
9	Board mạch SM03D	Cái	1			
10	Board hiển thị tầng	Cái	1			
11	Board mạch Relay	Cái	1			
12	Cáp tải phi 10 - Korea	Mét	1			

STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
13	Cáp tải phi 08 – Korea	Mét	1			
14	Contactơ 220V-13A	Cái	1			
15	Contactơ 220V-19A	Cái	1			
16	Contactơ 220V-26A	Cái	1			
17	Contactơ 220V-35A	Cái	1			
18	Contactơ 220V-50A	Cái	1			
19	Quạt Cabin 22w/25w	Cái	1			
20	Shoe trực T78-89	Cái	1			
21	Shoe đôi trọng TK5A	Cái	1			
22	Nút nhấn gọi tầng 33*50	Cái	1			
23	Dolock thuận	Bộ	1			
24	Switch hành trình	Cái	1			
25	Photocell	Bộ	1			
26	Guốc cửa	Cái	1			
27	Bộ khống chế tốc độ (Gor trên)	Bộ	1			
28	Bộ khống chế tốc độ (Gor Dưới)	Bộ	1			
29	Bộ intercom	Bộ	1			
30	Role 24 – có đế	Cái	1			
31	Role 220 – có đế	Cái	1			
32	Nguồn 220v-24V	Cái	1			
33	CB 3 Pha 60A panasonic	Cái	1			
34	Tủ điều khiển AS380 7.5kw	Tủ	1			
35	Tủ điều khiển AS380 11kw	Tủ	1			
36	Tủ điều khiển AS380 15kw	Tủ	1			
37	Tủ điều khiển AS380 18kw	Tủ	1			
38	Switch không tự phục hồi	Cái	1			
39	Switch tự phục hồi	Cái	1			
40	Biến tần cửa	Cái	1			
41	Switch cửa (tủ)	Cái	1			
42	Bánh xe treo đầu cửa 48	Cái	1			
43	Bánh xe treo đầu cửa 56	Cái	1			

STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
44	Bánh xe treo đầu cửa 72	Cái	1			
45	Bình acquy 12v7.5AH	Bình	1			
46	Bình acquy 12v18AH	Bình	1			
47	Bình acquy 12v20AH	Bình	1			
	Giá trị trước thuế (VNĐ)					
	Thuế GTGT (ghi rõ thuế suất)					
	Giá trị sau thuế (VNĐ)					
IV	Sửa chữa hệ thống thang máy tại Lô II-4 Đường số 13, Cụm 3, Nhóm CNII, KCN Tân Bình, phường Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh (Thang máy hiệu NIPPONLIFT VIET NAM-NP630-CO90: tải trọng 630kg, tốc độ 1,5 m/s, 08 điểm dừng)					
1	Biến tần 7.5kw	Cái	1			
2	Biến tần 11kw	Cái	1			
3	Biến tần 15kw	Cái	1			
4	Biến tần 18.5kw	Cái	1			
5	Board mạch SM5021	Cái	1			
6	Board mạch SM02D	Cái	1			
7	Board mạch SM02H	Cái	1			
8	Board mạch SM02G	Cái	1			
9	Board mạch SM03D	Cái	1			
10	Board hiển thị tầng	Cái	1			
11	Board mạch Relay	Cái	1			
12	Cáp tải phi 10 - Korea	Mét	1			
13	Cáp tải phi 08 - Korea	Mét	1			
14	Contactơ 220V-13A	Cái	1			
15	Contactơ 220V-19A	Cái	1			
16	Contactơ 220V-26A	Cái	1			
17	Contactơ 220V-35A	Cái	1			
18	Contactơ 220V-50A	Cái	1			
19	Quạt Cabin 22w/25w	Cái	1			
20	Shoe trượt T78-89	Cái	1			
21	Shoe đối trọng TK5A	Cái	1			

STT	Danh mục hàng hoá/ vật tư, thiết bị, linh kiện	ĐVT	Số lượng	Xuất xứ, thương hiệu, nhà sản xuất, ký mã hiệu	Đơn giá dự thầu	Thành tiền	
22	Nút nhấn gọi tầng 33*50	Cái	1				
23	Dolock thuận	Bộ	1				
24	Switch hành trình	Cái	1				
25	Photocell	Bộ	1				
26	Guốc cửa	Cái	1				
27	Bộ khống chế tốc độ (Gor trên)	Bộ	1				
28	Bộ khống chế tốc độ (Gor Dưới)	Bộ	1				
29	Bộ intercom	Bộ	1				
30	Role 24 – có đế	Cái	1				
31	Role 220 – có đế	Cái	1				
32	Nguồn 220v-24V	Cái	1				
33	CB 3 Pha 60A panasonic	Cái	1				
34	Tủ điều khiển AS380 7.5kw	Tủ	1				
35	Tủ điều khiển AS380 11kw	Tủ	1				
36	Tủ điều khiển AS380 15kw	Tủ	1				
37	Tủ điều khiển AS380 18kw	Tủ	1				
38	Switch không tự phục hồi	Cái	1				
39	Switch tự phục hồi	Cái	1				
40	Biến tần cửa	Cái	1				
41	Switch cửa (tờ)	Cái	1				
42	Bánh xe treo đầu cửa 48	Cái	1				
43	Bánh xe treo đầu cửa 56	Cái	1				
44	Bánh xe treo đầu cửa 72	Cái	1				
45	Bình acquy 12v7.5AH	Bình	1				
46	Bình acquy 12v18AH	Bình	1				
47	Bình acquy 12v20AH	Bình	1				
	Giá trị trước thuế (VNĐ)						
	Thuế GTGT (ghi rõ thuế suất)						
	Giá trị sau thuế (VNĐ)						

4. Giải pháp và phương pháp luận (biện pháp tổ chức thi công, quản lý kỹ thuật thi công): Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định, gồm các phần như sau:

- Giải pháp và phương pháp luận (theo quy định chi tiết tại nội dung yêu cầu số 4 Mục 3 Chương III của E-HSMT);
- Kế hoạch cung cấp dịch vụ (theo quy định chi tiết tại nội dung yêu cầu số 3 Mục 3 Chương III của E-HSMT).

Nội dung đề xuất về giải pháp, phương pháp luận, kế hoạch tiến độ, biện pháp thực hiện, quy trình thực hiện do nhà thầu xây dựng và đề xuất đính kèm E-HSMT phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Khả thi về thời gian thực hiện phù hợp với thời gian yêu cầu hoàn thành dịch vụ của E-HSMT
- Phương án bố trí nhân lực, thiết bị phải hợp lý, đáp ứng các yêu cầu về tiến độ và chất lượng, an toàn....
- Biện pháp tổ chức thực hiện, quy trình thực hiện phải đảm bảo đầy đủ các nội dung về trình tự thực hiện, bố trí nhân lực và máy móc, các bước thực hiện và kết quả đầu ra. ... đảm bảo khả thi, khoa học và đảm bảo chất lượng dịch vụ.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02:2019/BLĐTBXH An toàn lao động đối với thang máy và tiêu chuẩn cơ sở của Hiệp hội thang máy Việt Nam.
- Tiêu chuẩn cơ sở của Hiệp hội thang máy Việt Nam số TCCS 01: 2023/VNEA.
- ISO 8100-34:2021: Thang máy chở người và hàng – Phần 34: Đo lường chất lượng hoạt động thang máy.
- Nhà thầu phải thực hiện việc kiểm tra (chạy thử) thang máy ngay sau khi bảo trì, nếu không phát hiện bất thường thì tiến hành ghi nhật ký bảo trì và nghiệm thu.
- Sau khi bảo trì, thang máy phải hoạt động tốt và ổn định. Trường hợp thang máy gặp sự cố, không hoạt động bình thường do nhà thầu thực hiện không đúng kỹ thuật, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện lại dịch vụ cho đến khi đạt yêu cầu và chịu mọi chi phí phát sinh.
- Nghiệm thu sau bảo trì: Kỹ thuật viên thực hiện bảo trì thông báo và phối hợp với nhân viên Đơn vị sử dụng để thực hiện nghiệm thu công việc với các bên và lập Biên bản bảo trì, sửa chữa thang máy: ghi đầy đủ các thang máy bảo trì, sửa chữa các nội dung công việc thực hiện và các khuyến cáo, kiến nghị (nếu có).
- Phối hợp với đơn vị kiểm định độc lập (nếu có) do Chủ đầu tư chỉ định để thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật thang máy trong trường hợp cần thiết.
- Cùng các điều khoản khác sẽ được hoàn thiện trong quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;</p> <p>1.2. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.</p> <p>1.3. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Dịch vụ phi tư vấn” là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đấu thầu;</p> <p>1.5. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.8. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.9. “Năm” là năm dương lịch;</p> <p>1.10. “Ngày” là ngày dương lịch;</p> <p>1.11. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn;</p> <p>1.13. “Tài liệu Hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;</p> <p>1.15. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p>

mlc
W
zml

	<p>2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; c) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) E-ĐKCT; e) E-ĐKC; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu; b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

	<p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>6. Ký hợp đồng thầu phụ</p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>6.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 E-ĐKCT thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.</p> <p>6.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>7. Phạm vi cung cấp</p>	<p>Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.</p>

8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B hoặc Mẫu số 10C hoặc Mẫu số 10D Chương IV.
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 E-ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT. 10.2. Giá hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
12. Tạm ứng	12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. 13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.
14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ

	<p>liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 E-ĐKC và Mục 14.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <p>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</p> <p>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</p> <p>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</p> <p>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p> <p>14.4. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>14.5. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>15. Phạt và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>16. Bất khả kháng</p>	<p>16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là</p>



Handwritten signatures and initials in blue ink.

	<p>không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>17. Sửa đổi hợp đồng</p>	<p>17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại E-ĐKCT. <p>17.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. <p>17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.

	<p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p>18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;</p>

	<p>(iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 E-ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán; - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng. <p>19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
<p>20. Phát hiện và khắc phục sai sót</p>	<p>20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại E-ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu</p>

	<p>thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15 E-ĐKC.</p>
<p>21. Nhân sự¹</p>	<p>21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong E-HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.</p>
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.</p>

¹ Trường hợp gói thầu không yêu cầu nhân sự chủ chốt thì bỏ Mục này

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.3	<p>Chủ đầu tư, Đơn vị mua sắm tập trung: Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Đơn vị ký hợp đồng: Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh/Ban quản lý dự án Tây Thành phố - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Đơn vị sử dụng dịch vụ: Văn phòng VTTP, TTVT Sài Gòn, Ban Quản lý dự án Tây Thành Phố, TTVT Nam Sài Gòn, và TTVT Tân Bình, trực thuộc Chủ đầu tư.</p>
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: các đơn vị trực thuộc VNPT TP.Hồ Chí Minh
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có). - Biên bản hoàn thiện hợp đồng. - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư, Đơn vị cung cấp dịch vụ theo địa chỉ dưới đây:</p> <p>Người nhận: Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP.HCM</p> <p>Địa chỉ giao dịch: 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM</p> <p>Điện thoại: (028)35282338 - Fax: (028)35282357</p> <p>Các thông báo cần gửi về Bên A theo thông tin dưới đây:</p> <p>Người nhận: Ban quản lý dự án Tây Thành phố – Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>Địa chỉ: 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.HCM</p> <p>Điện thoại: (028)35282338 - Fax: (028)35282357</p> <p>Các thông báo cần gửi về Bên B theo thông tin dưới đây:</p> <p>Người nhận:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại: (02...).....</p> <p>Khi một bên có thay đổi về thông tin liên hệ nêu trên thì phải thông báo ngay cho bên kia</p>

E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03 % giá hợp đồng (bao gồm thuế GTGT).</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng cộng thêm 30 ngày và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</p> <p>- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điểm b, Điểm c Mục 5.1 E-ĐKC: Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang, theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp nhận, phải được đại diện hợp pháp của đơn vị phát hành bảo lãnh ký tên và đóng dấu (kèm theo giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, Quyết định bổ nhiệm người ký – bản gốc hoặc bản sao do đơn vị phát hành bảo lãnh đó xác nhận sao y bản chính).</p> <p>- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng.</p> <p>Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, Đơn vị cung cấp dịch vụ phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày sau ngày phát hành Biên bản nghiệm thu bàn giao toàn bộ dịch vụ/công việc cung cấp theo hợp đồng, đồng thời Bên B đã nộp toàn bộ bảo đảm bảo hành (theo các Phụ lục hợp đồng Yêu cầu thực hiện công việc) cho Bên A theo quy định của hợp đồng.</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng</p>
E-ĐKC 6.2	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: Không có</p>
E-ĐKC 6.4	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không có</p>
E-ĐKC 10.1	<p>Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.</p>
E-ĐKC 10.2	<p>Giá hợp đồng: Cố định (nếu khối lượng dịch vụ/công việc thực hiện không có bất kỳ thay đổi nào so với phạm vi công việc của hợp đồng).</p> <p>Trường hợp có thay đổi về khối lượng dịch vụ/công việc thực hiện so với phạm vi công việc của hợp đồng thì giá hợp đồng được điều chỉnh theo quy định tại Mục 17.1(c) E-ĐKCT.</p>
E-ĐKC 11	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p>

	Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không áp dụng
E-ĐKC 13.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng tiền VNĐ.</p> <p>b) Giá trị thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị thanh toán cho bảo trì bảo dưỡng theo định kỳ, sẽ được tính theo giá trị thực tế bảo trì bảo dưỡng căn cứ trên Bảng quyết toán giá trị hoàn thành bảo trì bảo dưỡng từng đợt nghiệm thu tổng. - Giá trị sửa chữa (thay thế vật tư cho thang máy) sẽ được tính cụ thể theo số lượng thực tế sửa chữa/thay thế phát sinh căn cứ trên Bảng quyết toán giá trị hoàn thành chi phí sửa chữa. <p>c) Phương thức thanh toán:</p> <p>Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Bên cung cấp dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ thanh toán cho mỗi đợt bảo trì bảo dưỡng định kỳ, hoặc sửa chữa bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán của Bên cung cấp dịch vụ (01 bản chính); - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (01 bản gốc, 01 bản sao y) (cho đợt thanh toán đầu tiên); - Hóa đơn GTGT (02 bản) Hóa đơn phải được xuất đúng kỳ ký Bảng quyết toán giá trị hoàn thành; - Đối với công tác bảo trì bảo dưỡng: <ul style="list-style-type: none"> • Thông báo thực hiện bảo trì bảo dưỡng hệ thống Thang máy của Đơn vị sử dụng dịch vụ (01 bản chính); • Văn bản xác nhận và thông báo kế hoạch bảo trì của nhà thầu (02 bản chính) • Biên bản nghiệm thu bảo trì bảo dưỡng hệ thống Thang máy (02 bản chính); • Bảng quyết toán giá trị hoàn thành bảo trì bảo dưỡng do Nhà thầu lập và đại diện Chủ đầu tư xác nhận (02 bản chính); • Biên bản xác nhận tiến độ thực hiện được Nhà thầu và Đơn vị sử dụng dịch vụ ký tên, đóng dấu (02 bản chính) • Biên bản phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) (02 bản chính); - Đối với công tác sửa chữa: <ul style="list-style-type: none"> • Văn bản đề nghị sửa chữa thiết bị hệ thống thang máy hư hỏng của nhà thầu (01 bản chính);

	<ul style="list-style-type: none"> • Biên bản nghiệm thu hoàn thành sửa chữa/thay thế vật tư thiết bị hệ thống thang máy (02 bản chính); • Bảng quyết toán giá trị hoàn thành sửa chữa/thay thế vật tư thiết bị hệ thống thang máy do do Nhà thầu lập và đại diện Chủ đầu tư xác nhận (02 bản chính); • Văn bản cam kết bảo hành. • Biên bản xác nhận tiến độ thực hiện do Nhà thầu và Đơn vị sử dụng dịch vụ ký tên, đóng dấu (02 bản chính) • Biên bản phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) (02 bản chính); <p>- Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành chi phí bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống thang máy (02 bản chính) (cho đợt thanh toán cuối cùng) được Nhà thầu và đơn vị sử dụng dịch vụ ký, đóng dấu;</p> <p>- Biên bản thanh lý hợp đồng (02 bản chính) (cho đợt thanh toán cuối cùng);</p>
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng
E-ĐKC 15	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Bên cung cấp dịch vụ không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên sử dụng dịch vụ sẽ khấu trừ vào giá trị thanh toán một khoản tiền phạt tương ứng với 0,5% giá trị một phần hay toàn bộ nội dung công việc bị chậm trễ cho mỗi ngày trễ hạn. Nhưng giá trị phạt tối thiểu cho 1 lần phạt là 500.000 đồng Bên sử dụng dịch vụ sẽ khấu trừ đến 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên sử dụng dịch vụ có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>- Về tiến độ xử lý và khắc phục sự cố: Bên cung cấp dịch vụ xử lý sự cố chậm hơn thời gian quy định kể từ khi nhận thông tin của Đơn vị sử dụng dịch vụ, sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng cho mỗi lần chậm là 0,5 % giá trị của đợt bảo trì đó.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục thiệt hại theo thông báo của Bên sử dụng dịch vụ, Bên cung cấp dịch vụ có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục thiệt hại. Bên sử dụng dịch vụ có quyền khấu trừ số tiền phạt do vi phạm hợp đồng nêu trên vào bất kỳ khoản thanh toán đến hạn nào của Bên cung cấp dịch vụ .</p>
E-ĐKC 17.1(c)	- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Đơn vị sử dụng dịch vụ không được quyền tăng khối lượng dịch vụ/công việc vượt khối lượng đã ký kết trong hợp đồng (trừ trường hợp được sự chấp thuận điều phối khối lượng hợp đồng bằng văn bản từ đơn vị ký hợp đồng). Bên A thanh toán cho Bên B theo đúng khối lượng dịch vụ/công việc cung

	cấp thực tế được nghiệm thu bàn giao và đơn giá dịch vụ/công việc trong hợp đồng.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Bên sử dụng dịch vụ chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Bên sử dụng dịch vụ thanh toán cho Bên cung cấp dịch vụ 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác:
E-ĐKC 20.1	Đơn vị sử dụng dịch vụ thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp theo nguyên tắc như sau: - Biện pháp, kế hoạch triển khai. - Biện pháp đảm bảo chất lượng dịch vụ, biện pháp an toàn vệ sinh lao động. - Tiến độ triển khai. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Bên B phải khắc phục hoàn toàn sai sót trong vòng 02 ngày kể từ ngày phát hiện sai sót.
E-ĐKC 21.2	Thời gian Đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện việc thay thế nhân sự: trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự bằng văn bản của Đơn vị sử dụng dịch vụ.
E-ĐKC 22.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án kinh tế TP.Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 13: Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 14: Hợp đồng

Mẫu số 14.1: Phụ lục hợp đồng

Mẫu số 15: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 16: Giấy ủy quyền



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu _____ [ghi tên Bên mời thầu] (sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có) ...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm

thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:

Gói thầu:

Thuộc dự toán:

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 30/08/2024 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế mua sắm nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên và mua sắm tập trung của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 05/06/2025 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế mua sắm nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên và mua sắm tập trung của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-VNPT.TPHCM-ĐT ngày 17/05/2023 của Viễn thông TP.Hồ Chí Minh (VTTP) Về việc ban hành Quy định tổ chức mua sắm và cấp phát hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên tại Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1236/QĐ-VNPT.TPHCM-ĐT ngày 20/12/2023 của Viễn thông Thành phố (VTTP) về việc Ban hành, Điều chỉnh quy định về tổ chức mua sắm và cấp phát hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên tại VTTP.

Căn cứ văn bản số 1309/VNPT.TPHCM-ĐT ngày 26/04/2025 của Viễn thông TP. Hồ Chí Minh về việc Hướng dẫn thực hiện công tác mua sắm, cấp phát nhằm phục vụ hoạt động SXKD, duy trì hoạt động thường xuyên tại VTTP.

Căn cứ Văn bản số 1872/VNPT.TPHCM-KTKH-ĐT ngày 30/06/2025 của Viễn thông TP.Hồ Chí Minh v/v hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch và trình tự thủ tục các công trình sửa chữa tại các đơn vị trực thuộc VNPT TP.HCM,

Căn cứ Quyết định số Về việc phê duyệt kết quả LCNT,

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đơn vị mua sắm dịch vụ (sau đây gọi là Bên A):

Tên Bên A: CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM – VIỄN THÔNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 125 Hai Bà Trưng, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ giao dịch: 270B Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 35282338

Mã số thuế: 0300954529

Tài khoản: 0371000697979 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Đại diện: Ông Hồ Minh Kiệt Chức vụ: Giám Đốc Ban Quản lý dự án Tây TP

Đơn vị cung cấp dịch vụ (sau đây gọi là Bên B) :

Tên Bên B:

Địa chỉ:

Điện thoại: - Fax:

Mã số thuế:

Tài khoản:

Đại diện: Ông/Bà - Chức vụ:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo các Phụ lục);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. E-ĐKCT của hợp đồng;
6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A và Đơn vị sử dụng dịch vụ (Ban Quản lý dự án Tây thành phố/Văn phòng Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh/Trung tâm Viễn thông/...)

- Đơn vị sử dụng dịch vụ thực hiện các thủ tục theo quy định của Văn bản số 1872/VNPT.TPHCM-KTKH-ĐT ngày 30/06/2025 để Thông báo thực hiện hợp đồng, thông báo khởi công (nếu có), triển khai thủ tục thực hiện hợp đồng, nghiệm thu.
- Đơn vị sử dụng dịch vụ có trách nhiệm chuyển toàn bộ các hồ sơ, chứng từ thực hiện dịch vụ giữa Bên B với Đơn vị sử dụng dịch vụ về Bên A để thực hiện thủ tục ký Phụ lục hợp đồng; thanh toán, quyết toán theo quy định của Hợp đồng và các qui định, hướng dẫn mua sắm – thực hiện dịch vụ của Viễn thông Thành Phố.
- Bên A giám sát việc thực hiện hợp đồng, tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các Đơn vị sử dụng dịch vụ ; tập hợp toàn bộ các hồ sơ, chứng từ thực hiện dịch vụ của Bên B đối với Đơn vị sử dụng dịch vụ để thực hiện thanh toán, quyết toán, phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) theo quy định của Hợp đồng.
- Bên A có trách nhiệm nhận hóa đơn GTGT do Bên B phát hành và thanh toán toàn bộ tiền thực hiện dịch vụ cho Bên B theo từng Phụ lục hợp đồng đã ký theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- Thực hiện các qui định theo Quyết định số 66/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 30/08/2024 của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế mua sắm nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên và mua sắm tập

trung của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam; Quyết định số 47/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 05/06/2025 của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế mua sắm nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên và mua sắm tập trung của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên B)

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.
- Thực hiện Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng đến Bên A theo qui định tại ĐKCT của hợp đồng.
- Ký Phụ lục hợp đồng với Bên A để làm cơ sở thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng sau khi hoàn tất thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng.
- Phối hợp với Bên A trong quá trình triển khai thực hiện hợp đồng cụ thể đối với các Đơn vị sử dụng dịch vụ, thường xuyên báo cáo tiến độ thực hiện với Bên A.
- Bên B phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, y tế cho tất cả các hoạt động tại địa điểm cung cấp dịch vụ.
- Bên B phải mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/9/2023.
- Mọi việc cung cấp dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố, bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa, bảo hành ... của Bên B phải luôn bảo đảm an toàn thông tin liên lạc cho hệ thống, mạng lưới thông tin của Chủ đầu tư, Bên A (nếu có).
- Bên B cam kết có mặt tại điểm xử lý sự cố trong vòng 01 giờ sau khi nhận thông tin từ Đơn vị sử dụng dịch vụ để phối hợp thực hiện xử lý sự cố trong phạm vi công việc thực hiện dịch vụ.
- Phối hợp cùng với Đơn vị sử dụng dịch vụ tổ chức nghiệm thu chất lượng dịch vụ (hoàn thành dịch vụ) cho từng đợt thực hiện theo Thông báo thực hiện hợp đồng của Đơn vị sử dụng dịch vụ.
- Thực hiện bảo hành, mở bảo lãnh bảo hành cho từng Phụ lục hợp đồng.
- Cung cấp bộ chứng từ thanh toán, hóa đơn hợp lệ cho Bên A.
- Thực hiện đề nghị thanh toán và thanh lý hợp đồng với Bên A theo qui định trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 13.1 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Điều 8. Thông báo thực hiện hợp đồng và Thời gian thực hiện :

-

- Ngay sau khi ký hợp đồng và hợp đồng có hiệu lực, Bên B xây dựng kế hoạch bảo trì bảo dưỡng cho cả hợp đồng (theo hàng quý) gửi cho Bên A để theo dõi và đề nghị thực hiện.
- Khi Đơn vị sử dụng dịch vụ (Ban Quản lý dự án Tây thành phố/Văn phòng Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh/Trung tâm Viễn thông.../....) có nhu cầu sử dụng dịch vụ. Đơn vị sử dụng dịch vụ sẽ liên hệ Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên B) thực hiện khảo sát hiện trường, lập biên bản khảo sát ghi nhận khối lượng thực hiện dịch vụ (đối với dịch vụ sửa chữa). Dựa trên phạm vi khối lượng hợp đồng cung cấp dịch vụ của Đơn vị sử dụng dịch vụ, Đơn vị sử dụng dịch vụ tổ chức triển khai thực hiện dịch vụ sửa chữa theo hướng dẫn tại mục V của Văn bản số 1872/VNPT.TPHCM-KTKH-ĐT ngày 30/6/2025. Đơn vị sử dụng dịch vụ có trách nhiệm thông báo thực hiện hợp đồng (văn bản này cũng cần gửi đến Ban QL DAT/ Văn phòng/ Trung tâm Viễn thông... để phối hợp thực hiện và ký PLHĐ), thông báo khởi công (nếu có), thông báo địa điểm thực hiện dịch vụ, bố trí nhân sự phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện ; kiểm tra, giám sát, ký kết các biên bản liên quan, xác nhận tiến độ thực hiện, ký biên bản nghiệm thu hoàn thành dịch vụ của từng đợt theo quy định của hợp đồng và các quy định, hướng dẫn mua sắm – thực hiện dịch vụ của Viễn thông thành phố.
- Trường hợp Đơn vị sử dụng dịch vụ có nhu cầu sử dụng dịch vụ vượt so với giá trị được phân bổ, Đơn vị sử dụng dịch vụ có văn bản đăng ký bổ sung khối lượng/giá trị theo nhu cầu, BQLDAT sẽ cân đối từ nguồn khối lượng/giá trị dự phòng trong Hợp đồng và có văn bản xác nhận chấp thuận phân bổ bổ sung khối lượng/giá trị để Đơn vị sử dụng dịch vụ phối hợp với Đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện dịch vụ.
- Thời gian thực hiện : Đơn vị sử dụng dịch vụ quy định thời gian bắt đầu và thời gian hoàn thành dịch vụ từng đợt hoặc toàn bộ khối lượng hợp đồng khi ra Thông báo thực hiện hợp đồng cho Đơn vị cung cấp dịch vụ.
- Thời gian hoàn thành dịch vụ :
 - + Đối với bảo trì bảo dưỡng hàng quý: Hoàn thành toàn bộ công tác bảo trì bảo dưỡng theo khối lượng hợp đồng không quá 10 ngày kể từ ngày ra thông báo thực hiện hợp đồng.
 - + Đối với công tác sửa chữa : Thời gian hoàn tất công việc sửa chữa không quá 3 ngày làm việc cho một yêu cầu sửa chữa/ thang, không quá 7 ngày làm việc cho một yêu cầu sửa chữa từ 03 thang trở xuống. Các yêu cầu có số lượng lớn hơn thì thời gian thực hiện không quá 10 ngày.

Điều 9 : Bảo hành và xử lý sự cố

- Thời gian bảo hành : Đối với dịch vụ Bảo trì bảo dưỡng là 06 tháng kể từ khi nghiệm thu hoàn thành theo thông báo thực hiện hợp đồng. Đối với dịch vụ sửa chữa là 12 tháng kể từ khi nghiệm thu hoàn thành.
- Bảo lãnh bảo hành : trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành Phụ lục hợp đồng, Bên B giao nộp cho Bên A Bảo lãnh bảo hành được phát hành bởi ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng được pháp luật công nhận, có giá trị bằng 5% giá trị (sau thuế GTGT) Phụ lục hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành Phụ lục hợp đồng cho đến khi hết thời gian bảo hành cộng thêm 30 ngày; hoặc có văn bản đề nghị Bên A giữ lại 5% giá trị Phụ lục hợp đồng/giá trị quyền toán Phụ lục hợp đồng khi thanh quyết toán phụ lục hợp đồng cho đến khi hết thời gian bảo hành dịch vụ/công việc thuộc phụ lục hợp đồng.
- Cơ chế giải quyết các sự cố phát sinh trong thời hạn bảo hành dịch vụ:
 - Khi có sự cố xảy ra, Bên A/Đơn vị sử dụng dịch vụ thông báo cho Bên B bằng điện thoại

thông qua đầu mối tiếp nhận thông tin của Bên B.

- Trong vòng giờ kể từ khi nhận được thông báo sự cố của Bên A/Đơn vị quản lý sử dụng, Bên B phải cử nhân viên kỹ thuật đến hiện trường xem xét, đánh giá và xử lý khắc phục sự cố.
- Thời gian xử lý sự cố không quá giờ và không quá giờ trong trường hợp thiết bị hư hỏng.
- Trường hợp Bên B có mặt chậm hơn thời gian quy định, Bên A lập biên bản ghi nhận làm cơ sở xử phạt vi phạm hợp đồng theo E-ĐKC 15.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng của Bên B.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 02 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN A

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN B

PHỤ LỤC 1 : BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

PHỤ LỤC 2: YÊU CẦU KỸ THUẬT

PHỤ LỤC 3: NHÂN SỰ VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

PHỤ LỤC 4: ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

PHỤ LỤC 5: BIỂU MẪU KÈM THEO HỢP ĐỒNG

- Mẫu Phụ lục hợp đồng
- Mẫu Thông báo thực hiện hợp đồng
- Mẫu Biên bản nghiệm thu
- Mẫu Biên bản xác nhận tiến độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số:-2025/QLDAT-/.....

Các căn cứ để ký kết Phụ lục hợp đồng:

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 01/01/2017;

Căn cứ Hợp đồng số/QLDAT –/..... ngày/..../2025 đã được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Tây TP và Công ty

Căn cứ Thông báo thực hiện hợp đồng lần xxx ngày/..../20... của Trung tâm Viễn thông

Hôm nay ngày tháng năm 20..., tại, Chúng tôi gồm có :

I. Đơn vị ký hợp đồng (Bên A):

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số:

II. Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên B):

Tên đơn vị :

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số:

Hai bên thống nhất nội dung Thông báo thực hiện hợp đồng của Hợp đồng sốngày.....tháng..... năm 2025, cụ thể như sau:

Điều 1. Danh mục dịch vụ, số lượng, địa điểm cung cấp:

Số lượngbao gồm....., chi tiết số lượng, địa điểm cung cấp tại Phụ lục... kèm theo.

Điều 2. Giá trị Phụ lục hợp đồng:đồng.

Điều 3. Phương thức thanh toán: theo ĐKC 13.1 của Hợp đồng

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị ký hợp đồng (Bên A):

Bên A tập hợp toàn bộ hồ sơ, chứng từ hoàn tất công tác thực hiện dịch vụ từng đợt của Đơn vị sử dụng dịch vụ (nếu có); thực hiện các thủ tục ký kết Phụ lục hợp đồng và thanh toán, quyết toán cho Bên B theo quy định tại Điều 3 của Phụ lục hợp đồng này.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên B):

Phối hợp cùng Đơn vị sử dụng dịch vụ hoàn tất toàn bộ hồ sơ, chứng từ hoàn tất công tác thực hiện dịch vụ từng đợt theo thông báo thực hiện hợp đồng và chuyển Bên A thực hiện thủ tục thanh toán, quyết toán cho Phụ lục hợp đồng.

Bên B cam kết đã thực hiện hoàn tất cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ/công việc như nêu tại Điều 1 của Phụ lục hợp đồng này.

Đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung (ĐKC) và điều kiện cụ thể (ĐKCT) của hợp đồng.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A và Đơn vị sử dụng dịch vụ (Ban Quản lý dự án Tây thành phố/Văn phòng Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh/ Trung tâm Viễn thông.....).

Sau mỗi đợt nghiệm thu hoàn thành dịch vụ, Đơn vị sử dụng dịch vụ phối hợp với Bên B tập hợp và chuyển toàn bộ hồ sơ, chứng từ liên quan trong quá trình thực hiện dịch vụ về Bên A để thực hiện thủ tục thanh toán, quyết toán cho Phụ lục hợp đồng.

Phụ lục hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục
BIỂU GIÁ CHI TIẾT CỦA PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ...
(Đính kèm theo Phụ lục hợp đồng số/..... ngày/.../20...)

Stt	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
4					
Tổng giá trị sau thuế GTGT:					
Thuế GTGT:					
Tổng giá trị trước thuế GTGT:					

Stt	Mã trạm	Địa chỉ	Ghi chú
1			
2			
3			
4			

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”);⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

PHỤ LỤC A : DANH MỤC VẬT TƯ SỬA CHỮA HỆ THỐNG THANG MÁY

(bao gồm vật tư và nhân công sửa chữa)

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng tạm tính sử dụng sửa chữa (Số lượng mời thầu)	SL Tùy chọn mua thêm
1	Biến tần 7.5kw	Cái	4	1
2	Biến tần 11kw	Cái	4	1
3	Biến tần 15kw	Cái	4	1
4	Biến tần 18.5kw	Cái	4	1
5	Board mạch SM5021	Cái	4	1
6	Board mạch SM02D	Cái	4	1
7	Board mạch SM02H	Cái	4	1
8	Board mạch SM02G	Cái	4	1
9	Board mạch SM03D	Cái	4	1
10	Board hiển thị tầng	Cái	4	1
11	Board mạch Relay	Cái	4	1
12	Cáp tải phi 10 - Korea	Mét	4	1
13	Cáp tải phi 08 - Korea	Mét	4	1
14	Contactơ 220V-13A	Cái	4	1
15	Contactơ 220V-19A	Cái	4	1
16	Contactơ 220V-26A	Cái	4	1
17	Contactơ 220V-35A	Cái	4	1
18	Contactơ 220V-50A	Cái	4	1
19	Quạt Cabin 22w/25w	Cái	4	1
20	Shoe trực T78-89	Cái	4	1
21	Shoe đổi trọng TK5A	Cái	4	1
22	Nút nhấn gọi tầng 33*50	Cái	4	1
23	Dolock thuận	Bộ	4	1
24	Switch hành trình	Cái	4	1
25	Photocell	Bộ	4	1
26	Guốc cửa	Cái	4	1
27	Bộ khống chế tốc độ (Gor trên)	Bộ	4	1

CÔNG TY TNHH
HÀNH TRÌNH

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng tạm tính sử dụng sửa chữa (Số lượng mời thầu)	SL Tùy chọn mua thêm
28	Bộ khống chế tốc độ (Gor Dưới)	Bộ	4	1
29	Bộ intercom	Bộ	4	1
30	Role 24 – có đế	Cái	4	1
31	Role 220 – có đế	Cái	4	1
32	Nguồn 220v-24V	Cái	4	1
33	CB 3 Pha 60A panasonic	Cái	4	1
34	Tủ điều khiển AS380 7.5kw	Tủ	4	1
35	Tủ điều khiển AS380 11kw	Tủ	4	1
36	Tủ điều khiển AS380 15kw	Tủ	4	1
37	Tủ điều khiển AS380 18kw	Tủ	4	1
38	Switch không tự phục hồi	Cái	4	1
39	Switch tự phục hồi	Cái	4	1
40	Biến tần cửa	Cái	4	1
41	Switch cửa (tủ)	Cái	4	1
42	Bánh xe treo đầu cửa 48	Cái	4	1
43	Bánh xe treo đầu cửa 56	Cái	4	1
44	Bánh xe treo đầu cửa 72	Cái	4	1
45	Bình acquy 12v7.5AH	Bình	4	1
46	Bình acquy 12v18AH	Bình	4	1
47	Bình acquy 12v20AH	Bình	4	1